

Số: 65/2024/QĐST-DS

Trà Cú, ngày 16 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị T**, sinh năm 1964 và Ông **Bùi Văn Q**, sinh năm 1959; Cùng địa chỉ **ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh**.

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985 và ông **Tô Văn D**, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ **ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh**.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Thạch Đ**, sinh năm 1954 và ông **Thạch B**, sinh năm 1985; cùng địa chỉ **ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh**.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà **Lâm Thị T1**, ông **Bùi Văn Q** và bà **Nguyễn Thị L**, ông **Tô Văn D** thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.390m<sup>2</sup> tọa lạc tại **ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh** đã được ký kết giữa bà **Lâm Thị T1** và ông **Bùi Văn Q** với ông **Tô Văn D** và bà **Nguyễn Thị L**; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.390m<sup>2</sup> tọa lạc tại **ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh** đã được ký kết giữa bà **Lâm Thị T1** và ông **Bùi Văn Q** với ông **Thạch Đ** và ông **Thạch B**.

Về hậu quả của việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: các bên không yêu cầu giải quyết.

Ông Tô Văn D và bà Nguyễn Thị L đồng ý trả cho bà Lâm Thị T1, ông Bùi Văn Q số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng 150.000.000 đồng (ông D và bà L mỗi người trả 75.000.000 đồng).

Thời gian và phương thức trả: Các bên thống nhất giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 3.750.000 đồng, ông Bùi Văn Q và bà Lâm Thị T1 phải chịu 50% là 1.875.000 đồng, tuy nhiên ông Bùi Văn Q và bà Lâm Thị T1 được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi. Ông Tô Văn D và bà Nguyễn Thị L phải chịu 50% là 1.875.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Duyên**